|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **UBND TỈNH VĨNH LONG** | | **Biểu số 46/CK-NSNN** |
|  |  |  |
| **CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2020** | | |
| *(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)* | | |
|  |  |  |
| *Đơn vị: Triệu đồng* | | |
| **STT** | **NỘI DUNG** | **DỰ TOÁN** |
| **A** | **TỔNG NGUỒN THU NSĐP** | **9.308.317** |
| **I** | **Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp** | **5.459.520** |
| 1 | Thu NSĐP hưởng 100% | 2.854.720 |
| 2 | Thu NSĐP hưởng từ các khoản thu phân chia | 2.604.800 |
| **II** | **Thu bổ sung từ NSTW** | **3.187.867** |
| - | Thu bổ sung cân đối | 1.336.965 |
| - | Thu bổ sung có mục tiêu | 1.446.489 |
| **III** | **Thu từ quỹ dự trữ tài chính** | **-** |
| **IV** | **Thu kết dư** | **602.830** |
| **V** | **Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang** |  |
| **B** | **TỔNG CHI NSĐP** | **9.239.330** |
| **I** | **Tổng chi cân đối NSĐP** | **7.388.428** |
| 1 | Chi đầu tư phát triển | 2.801.800 |
| 2 | Chi thường xuyên | 4.434.738 |
| 3 | Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay | 6.500 |
| 4 | Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính | 1.000 |
| 5 | Dự phòng ngân sách | 144.390 |
| 6 | Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương | **-** |
| **II** | **Chi các chương trình mục tiêu** | **1.850.902** |
| 1 | Chi các chương trình mục tiêu quốc gia | 191.965 |
| 2 | Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ | 1.658.937 |
| **C** | **BỘI CHI NSĐP/ BỘI THU NSĐP** |  |
| **D** | **CHI TRẢ NỢ GỐC CỦA NSĐP** | **68.987** |
| 1 | Từ nguồn vay để trả nợ gốc |  |
| 2 | Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư ngân sách cấp tỉnh |  |
| **Đ** | **TỔNG MỨC VAY CỦA NSĐP** |  |
| 1 | Vay để bù đắp bội chi |  |
| 2 | Vay để trả nợ gốc |  |